

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST.

Ngày: 30/12/2025

V/v: *Chia tài sản chung và nợ chung sau ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - L**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lò Xuân Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Lý Ngọc Sáng.

2. Bà: Lý Thị The.

- Thư ký phiên tòa, ông: Nguyễn Minh Tuấn - Thư ký tòa án nhân dân khu vực 4 - L.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - L tham gia phiên Tòa, bà: Giàng Thị Dơ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - L, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 36/2025/TLST-HNGĐ, ngày 22/04/2025, của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh L. Về “*Tranh chấp chia tài sản chung và nợ chung của vợ chồng sau ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08/08/2025 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa dân sự sơ thẩm số: 01/2025/TB-TA ngày 17/12/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn, anh: Chang Văn N, sinh ngày 08/07/1986 - Nơi thường trú: Bản L, xã N, huyện M, tỉnh L - Nơi ở hiện tại: Khu phố 7, thị trấn M, huyện M, tỉnh L (nay là thôn 07, xã B, tỉnh L) - Số định danh cá nhân: 012086001022 - Số điện thoại: 0975531188, số fax: không - Nghề nghiệp: Cán bộ - Nơi công tác: Ban quản lý rừng phòng hộ huyện M, tỉnh L (nay là ban quản lý rừng phòng hộ tỉnh L).

2. Bị đơn, chị: Ma Thị M, sinh năm 1984 - Địa chỉ: Khu phố 07, thị trấn M, huyện M, tỉnh L (nay là thôn 7, xã B, tỉnh L) - Nghề nghiệp: Cán bộ - Nơi công tác: UBND xã T, huyện M, tỉnh L (nay là Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh L) - Số CMND/CCCD: 008184005705 - Số điện thoại: 0363222128; số fax: không.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Hội nông dân huyện M, tỉnh L (nay do Hội nông dân xã B, tỉnh L kế thừa quyền và nghĩa vụ) - Người đại diện theo pháp luật, ông: Lý Văn H, sinh năm 1981 - Chức vụ: Chủ tịch Hội nông dân xã B, tỉnh L - Người đại diện theo ủy quyền, ông: Vàng Anh L, sinh năm 1993 - Chức vụ: Phó chủ tịch Hội nông dân xã B, tỉnh L - Địa chỉ: Thôn 08, xã B, tỉnh L - Có mặt.

- Ông: Lý Văn P, sinh năm 1967 - Địa chỉ: Khu phố 9, thị trấn M, huyện M, tỉnh L (nay là: Thôn 9, xã B, tỉnh L) - Có mặt.

- Anh: Nguyễn Văn L, sinh năm 1987 (*chủ cửa hàng vật liệu xây dựng L*) -
Địa chỉ: Khu phố 1, thị trấn M, huyện M, tỉnh L (*nay là: Thôn 1, xã B, tỉnh*) -
Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 15/4/2025, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Chang Văn Ni trình bày: Năm 2022, anh và chị Ma Thị M ly hôn, khi giải quyết ly hôn hai bên tự thỏa thuận về tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét. Sau khi ly hôn, các bên không thống nhất được việc phân chia tài sản và nghĩa vụ trả nợ chung trong thời kỳ hôn nhân nên anh khởi kiện yêu cầu chia như sau:

- *Tài sản thứ nhất*: Thửa đất ở diện tích 148,0 m² tại thôn 07, xã B, đã được cấp Giấy chứng nhận số BL 021850 đứng tên anh Chang Văn N và chị Ma Thị M; nguồn gốc do bố mẹ anh Ni tặng cho. Anh N yêu cầu trả lại thửa đất này cho bố mẹ là ông Chang A X và bà Lý Thị G.

- *Tài sản thứ hai*: Thửa đất trang trại diện tích 10.000 m² tại bản H, xã B, được hình thành trong thời kỳ hôn nhân, hai bên góp tiền chung 50.000.000 đồng để mua của ông Lý Văn P. Đối với tài sản này anh đề nghị giao cho chị M toàn quyền sở hữu, đồng thời chị M trả cho anh 25.000.000 đồng, tương ứng với ½ số tiền mua đất. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án anh N khai: Anh và chị M không có tranh chấp, anh tự nguyện giao cho chị M quản lý, sử dụng, không yêu cầu thanh toán lại giá trị.

- *Khoản nợ thứ nhất*: Số tiền 200.000.000 đồng vay Quỹ Hội Nông dân huyện M, phát sinh trong thời kỳ hôn nhân. Anh đề nghị chia đôi nghĩa vụ trả nợ, mỗi bên chịu 1/2 số tiền.

- *Khoản nợ thứ hai*: Số tiền 41.543.000 đồng nợ của anh Nguyễn Văn L (chủ cửa hàng vật liệu xây dựng L) là tiền nợ mua vật liệu xây dựng để sửa nhà, phát sinh trong thời kỳ hôn nhân. Anh đề nghị chia đôi nghĩa vụ trả nợ, mỗi bên chịu 1/2 số tiền.

Đến ngày 04/11/2025, anh Ngòi có đơn đề nghị rút yêu cầu khởi kiện đối với nội dung yêu cầu trả lại thửa đất ở diện tích 148,0 m² cho bố mẹ anh là ông Chang A X và bà Lý Thị G, theo đơn khởi kiện ngày 15/4/2025 với lý do thửa đất này đã chuyển nhượng cho vợ chồng ông Trần Văn C và bà Dương Thị H trú tại thôn 8, xã B, tỉnh L. Tại phiên tòa hôm nay, anh N giữ nguyên nội dung rút một phần yêu cầu khởi kiện nêu trên.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn Ma Thị M trình bày: Đối với việc anh Chang Văn N rút một phần yêu cầu khởi kiện liên quan đến nội dung yêu cầu trả lại thửa đất ở diện tích 148,0 m² cho bố mẹ anh N là ông Chang A X và bà Lý Thị G, chị Ma Thị M xác định đồng ý, không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Đối với ý kiến của anh N về việc giao cho chị toàn quyền quản lý, sử dụng diện tích 10.000 m² đất trang trại tại bản H, xã B và không yêu cầu thanh toán lại giá trị, chị hoàn toàn nhất trí, với lý do số tiền mua diện tích đất này do chị tự bỏ ra, anh N không đóng góp.

Đối với khoản nợ 200.000.000 đồng vay Quỹ Hội Nông dân huyện M và khoản nợ 41.543.000 đồng tại Điện máy L, chị đồng ý chia đôi, chị và anh N mỗi người chịu trách nhiệm trả 1/2 số tiền nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Ma Thị M còn trình bày: Trong thời kỳ hôn nhân, chị và anh N có nợ ông Lý Văn P số tiền 50.000.000 đồng, do chị trực tiếp vay của ông P để làm chuồng trại nuôi hươu; đây là khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, vì vậy chị đề nghị chia đôi nghĩa vụ trả nợ, mỗi bên phải trả 1/2 khoản tiền trên.

Ngoài ra, theo biên bản lấy lời khai ngày 20/5/2025, chị Ma Thị M còn khai và liệt kê thêm các khoản nợ khác phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa chị và anh Chang Văn Ni, cụ thể:

1. Nợ Ngân hàng Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh M, số tiền vay ban đầu 250.000.000 đồng; sau khi ly hôn chị đã thanh toán một phần, hiện còn nợ 83.000.000 đồng.

2. Nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh M (Agribank); số tiền vay phục vụ sinh hoạt và sản xuất, hiện chị không nhớ số tiền cụ thể, nhưng xác định khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân.

3. Nợ ông Phan A G, trú tại bản S, xã P (nay là xã B, tỉnh L) số tiền 100.000.000 đồng, dùng để đầu tư sản xuất và chăn nuôi.

4. Nợ ông Đào Văn X, trú tại bản B, xã B, tỉnh L, số tiền 100.000.000 đồng, dùng vào chi phí sinh hoạt và sửa chữa nhà cửa trong thời kỳ hôn nhân.

5. Nợ ông Nguyễn Quốc U, trú tại xã P (nay là xã B, tỉnh L) số tiền 50.000.000 đồng, sử dụng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của gia đình.

6. Nợ ông Bùi Xuân N, trú tại khu phố 12 (nay là thôn 12, xã B, tỉnh L) số tiền 60.000.000 đồng, dùng để đầu tư trang trại và trồng cây lâu năm.

7. Khoản tiền khoảng 400.000.000 đồng, là số tiền chị khai đã đầu tư mua đất và trồng cây liên quan đến các công trình, dự án tại xã N, xã B và bản H, xã N; khoản tiền này hình thành trong thời kỳ hôn nhân và phục vụ mục đích phát triển kinh tế gia đình.

Đối với các khoản nợ nêu trên, chị M đề nghị Tòa án xác định là nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân và chia đôi nghĩa vụ trả nợ, mỗi bên chịu 1/2 số tiền tương ứng.

Ngoài ra, chị M còn yêu cầu anh Chang Văn N bồi thường tiền “hao mòn tuổi xuân” với số tiền 1.620.000.000 đồng.

Đến ngày 09/10/2025, chị Ma Thị M có đơn xin rút toàn bộ các yêu cầu đã nêu, chỉ giữ lại yêu cầu chia đôi nghĩa vụ trả khoản nợ 50.000.000 đồng vay của ông Lý Văn P.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Ma Thị M đồng ý với yêu cầu của anh Chang Văn N về việc chia 1/2 nghĩa vụ trả các khoản nợ chung theo yêu cầu khởi kiện của anh N. Đối với khoản nợ 50.000.000 đồng của ông Lý Văn P, ban đầu chị Ma Thị M yêu cầu anh Chang Văn N cùng chịu 1/2 nghĩa vụ trả nợ; tuy nhiên, sau đó chị Ma Thị M trình bày rằng trường hợp anh Chang Văn N không chấp nhận thì chị tự nguyện trả toàn bộ khoản nợ này, không yêu cầu anh Chang Văn N phải trả.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, trình bày:

- Đại diện theo ủy quyền của Hội Nông dân xã B, tỉnh L, ông Vàng Anh L trình bày: Ngày 26/01/2022, Hội Nông dân huyện M giải ngân 200.000.000 đồng từ Quỹ hỗ trợ nông dân cho gia đình chị Ma Thị M và anh Chang Văn N để thực hiện dự án chăn nuôi hươu sinh sản, lấy nhung tại khu phố 09, thị trấn M. Thời hạn vay 04 năm (*từ tháng 01/2022 đến tháng 01/2026*); bên vay có nghĩa vụ trả đủ tiền gốc và lãi theo quy định cho Hội Nông dân huyện.

Sau khi nhận vốn, chị M và anh N đã mua 04 con hươu giống và ký Giấy cam kết trả nợ ngày 26/01/2022, trong đó cam kết: Trả lãi vào ngày 24 hằng tháng; Thanh toán đủ gốc và lãi 200.000.000 đồng vào hạn 26/01/2026.

Đến ngày 30/12/2025, chị M và anh N chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo cam kết. Ông đề nghị Tòa án buộc chị Ma Thị M và anh Chang Văn N tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả lãi hằng tháng và thanh toán đầy đủ số tiền gốc và lãi còn thiếu. Đối với việc hai bên đương sự thống nhất chia đôi khoản nợ 200.000.000 đồng, ông nhất trí và không có yêu cầu gì khác.

- Ông Lý Văn P trình bày:

Năm 2022, ông có chuyển nhượng cho vợ chồng anh Chang Văn N và chị Ma Thị M một thửa đất đồi khoảng 10.000 m² tại bản H, xã B, tỉnh L, với giá 50.000.000 đồng để làm trang trại nuôi hươu, số tiền chuyển nhượng ông đã nhận đầy đủ và không có yêu cầu gì thêm.

Đối với khoản tiền 50.000.000 đồng mà chị Ma Thị M vay, ông trình bày: Đây là khoản tiền chị M nhờ ông đứng tên vay Ngân hàng theo sổ hộ nghèo để chị vay lại và tự chịu trách nhiệm trả gốc và lãi. Sau khi vay được tiền, ông đã giao đủ tiền cho chị M, có sự chứng kiến của vợ ông là bà Mào Thị T. Từ năm 2022 đến nay, chị M chưa thanh toán khoản tiền này. Do đó, ông yêu cầu chị M phải trả, vì chị M là người trực tiếp vay, trực tiếp nhận tiền, không liên quan đến anh Chang Văn N.

- Ông Nguyễn Văn L – Chủ cửa hàng vật liệu xây dựng L trình bày trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Năm 2018, ông có bán vật liệu xây dựng cho vợ chồng anh Chang Văn N và chị Ma Thị M, gồm: xi măng, sắt thép, cát, đá, gạch, tôn để xây dựng nhà ở. Đến thời điểm hiện tại, anh N và chị M còn nợ ông số tiền 41.543.000 đồng. Ông yêu cầu anh N và chị M thanh toán toàn bộ số tiền nêu trên cho ông.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - L phát biểu ý kiến như sau:

- **Về tố tụng:**

Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, cụ thể: đã xác định đúng quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án theo các Điều 28, 35 và 39; xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự theo Điều 68; thực hiện đúng quy định về xác minh, thu thập và giao nhận chứng cứ theo các Điều 93 đến 97; bảo đảm trình tự thụ lý và giao thông báo thụ lý theo Điều 195, 196; thực hiện đúng quy định về giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ theo các Điều 208

đến 211; đồng thời tuân thủ thời hạn chuẩn bị xét xử theo Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm xét xử, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73, 85 và 86 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung:

+. *Thứ nhất*, đối với việc anh Chang Văn N rút một phần yêu cầu khởi kiện liên quan đến nội dung yêu cầu trả lại thửa đất ở diện tích 148,0 m² cho ông Chang A X và bà Lý Thị G, theo đơn khởi kiện ngày 15/4/2025, với lý do thửa đất này đã được chuyển nhượng cho vợ chồng ông Trần Văn C và bà Dương Thị H tại thôn 8, xã B, tỉnh L. Xét thấy, việc rút yêu cầu của anh N là tự nguyện, không trái pháp luật và không ảnh hưởng quyền, lợi ích hợp pháp của người khác; tại phiên tòa, bị đơn chị Ma Thị M thống nhất với việc rút yêu cầu này. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu này theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+. *Thứ hai*, đối với việc chị Ma Thị M rút toàn bộ yêu cầu phản tố liên quan đến nội dung chia các khoản nợ theo đơn rút yêu cầu ngày 09/10/2025. Xét thấy, việc rút yêu cầu của chị M là tự nguyện và phù hợp quy định pháp luật, nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu phản tố này theo khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+. *Thứ ba*, đối với nội dung hai bên thống nhất giao cho chị Ma Thị M quản lý, sử dụng diện tích 10.000 m² đất trang trại tại bản H, xã B và anh N không yêu cầu thanh toán lại giá trị, đồng thời thống nhất chia đôi nghĩa vụ trả khoản nợ 200.000.000 đồng vay Quỹ Hội Nông dân huyện M và khoản nợ 41.543.000 đồng tại Cửa hàng vật liệu xây dựng L. Tại phiên tòa, các bên đã tự nguyện thỏa thuận, thống nhất với nhau về nội dung này. Xét thấy sự thỏa thuận của đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên cần tôn trọng quyền tự định đoạt của các bên và chấp nhận chia ½ nghĩa vụ trả các khoản nợ này cho anh N và chị M.

+. *Thứ tư*, đối với khoản nợ 50.000.000 đồng vay của ông Lý Văn P: Tại phiên tòa, mặc dù ban đầu chị M đề nghị chia đôi nghĩa vụ trả nợ, nhưng sau đó chị tự nguyện nhận trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản tiền 50.000.000 đồng. Xét thấy sự tự nguyện này phù hợp với quyền tự định đoạt của đương sự và không trái pháp luật, nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chị Ma Thị M là người có nghĩa vụ trả toàn bộ khoản nợ 50.000.000 đồng cho ông Lý Văn P.

+. *Thứ năm*, về án phí: Căn cứ quy định của pháp luật về án phí dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử xác định anh Chang Văn N và chị Ma Thị M phải chịu án phí dân sự có giá ngạch tương ứng với phần nghĩa vụ trả nợ mà mỗi bên phải thực hiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị của Kiểm sát viên và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Chang Văn N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện M (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 - L) giải quyết tranh chấp chia tài sản chung, nợ chung của vợ chồng sau ly hôn. Bị đơn cư trú tại Thôn 07, xã B, tỉnh L. Căn cứ khoản 2, khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - L.

[1.2]. Về sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn L - Chủ cửa hàng vật liệu xây dựng L vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ các Điều 228 và 229 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn L theo quy định của pháp luật.

[1.3]. Về việc không tiến hành hòa giải được: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập các đương sự tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tuy nhiên anh Chang Văn N vắng mặt, thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án đã lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được và ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

[2]. Về yêu cầu của các đương sự:

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Chang Văn N:

- Đối với thửa đất diện tích 148,0 m² tại thôn 07, xã B, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 021850 đứng tên anh Chang Văn N và chị Ma Thị M, có nguồn gốc do bố mẹ anh N tặng cho. Tại đơn khởi kiện, anh N yêu cầu trả lại thửa đất này cho bố mẹ đẻ là ông Chang A X và bà Lý Thị G.

Tuy nhiên, đến ngày 04/11/2025, anh Chang Văn N có đơn xin rút phần yêu cầu khởi kiện đối với nội dung nêu trên, với lý do thửa đất đã được chuyển nhượng cho vợ chồng ông Trần Văn C và bà Dương Thị H, cư trú tại thôn 8, xã B, tỉnh L.

Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của anh N là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khác, tại phiên tòa bị đơn chị Ma Thị M thống nhất với việc rút yêu cầu này. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu nêu trên theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Đối với thửa đất trang trại diện tích 10.000 m² tại bản H, xã B, tỉnh L: Tại đơn khởi kiện, anh Chang Văn N đề nghị giao thửa đất cho chị Ma Thị M quản lý, sử dụng và yêu cầu chị M thanh toán cho anh số tiền 25.000.000 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh N thay đổi ý kiến, đề nghị giao thửa đất nêu trên cho chị M toàn quyền quản lý, sử dụng và không yêu

cầu chị M thanh toán lại giá trị. Chị Ma Thị M hoàn toàn nhất trí với ý kiến của anh N.

Xét thấy, các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận được với nhau về việc phân chia tài sản này, thỏa thuận không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

- Đối với yêu cầu chia đôi nghĩa vụ trả khoản nợ 200.000.000 đồng vay của Hội Nông dân huyện M (cũ), nay là Hội Nông dân xã B, tỉnh L và khoản nợ 41.543.000 đồng của anh Nguyễn Văn L (*chủ Cửa hàng vật liệu xây dựng L*).

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, anh Chang Văn N và chị Ma Thị M đều thừa nhận đây là các khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân; các khoản nợ này được sử dụng vào mục đích chung của gia đình, cụ thể là đầu tư trang trại nuôi hươu và xây dựng, sửa chữa nhà ở. Tại phiên tòa hôm nay, chị Ma Thị M cũng nhất trí chia đôi nghĩa vụ trả nợ đối với 02 khoản vay nêu trên.

Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ áp dụng Điều 27, Điều 37 và Điều 60 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Chang Văn N về việc chia trách nhiệm trả nợ chung đối với 02 khoản vay nêu trên.

[2.2]. Xét yêu cầu của bị đơn chị Ma Thị M:

- Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Ma Thị M có yêu cầu phản tố, đề nghị Tòa án xác định và phân chia các khoản nợ chung của vợ chồng phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, gồm các khoản vay tại ngân hàng và các khoản vay của cá nhân, được sử dụng cho mục đích sinh hoạt, sản xuất, đầu tư kinh tế gia đình; chị đề nghị chia đôi nghĩa vụ trả nợ, mỗi bên chịu 1/2 đối với các khoản nợ nêu trên. Ngoài ra, chị M còn yêu cầu anh Chang Văn N bồi thường tiền “*hao mòn tuổi xuân*”. Tuy nhiên, đến ngày 09/10/2025, chị Ma Thị M có đơn xin rút toàn bộ các yêu cầu phản tố nêu trên, chỉ giữ lại yêu cầu đề nghị chia đôi nghĩa vụ trả khoản nợ 50.000.000 đồng vay của ông Lý Văn P.

Xét thấy, việc rút yêu cầu của chị M là tự nguyện và phù hợp quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu phản tố mà chị M đã rút theo khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Đối với yêu cầu của chị M về chia khoản nợ 50.000.000 đồng vay của ông Lý Văn P: Chị Ma Thị M cho rằng khoản tiền 50.000.000 đồng vay của ông Lý Văn P phát sinh trong thời kỳ hôn nhân và được sử dụng cho mục đích làm chuồng trại để chăn nuôi hươu, nên đề nghị Tòa án xác định đây là nghĩa vụ chung của vợ chồng và chia đôi nghĩa vụ trả nợ.

Xét thấy, theo quy định tại Điều 37 và Điều 45 Luật Hôn nhân và gia đình, nghĩa vụ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân chỉ được xác định là nghĩa vụ chung của vợ chồng khi có căn cứ chứng minh khoản nợ đó nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình hoặc phục vụ lợi ích chung của vợ chồng. Đồng thời, theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự có yêu cầu phải có nghĩa vụ chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị Ma Thị M không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh khoản tiền vay nêu trên được sử dụng vào mục đích chung của gia đình. Anh Chang Văn N không thừa nhận đây

là nghĩa vụ chung, khai rằng không biết và không tham gia việc vay khoản tiền này. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lý Văn P xác định chị Ma Thị M là người trực tiếp đề nghị vay và nhận tiền, do đó ông chỉ yêu cầu chị Ma Thị M thanh toán khoản nợ.

Tại phiên tòa, ban đầu chị Ma Thị M vẫn giữ yêu cầu đề nghị chia đôi nghĩa vụ trả khoản nợ nêu trên. Tuy nhiên, sau đó chị Ma Thị M trình bày rằng nếu anh Chang Văn N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì chị không yêu cầu chia nữa và tự nguyện nhận trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản tiền 50.000.000 đồng cho ông Lý Văn P.

Xét thấy, việc tự nguyện nhận trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ của chị Ma Thị M là phù hợp với quyền tự định đoạt của đương sự theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với ý chí của người cho vay, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của chị Ma Thị M và tuyên chị Ma Thị M có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền 50.000.000 đồng cho ông Lý Văn P.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Chang Văn N và chị Ma Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật, tương ứng với phần nghĩa vụ trả nợ mà mỗi người phải thực hiện theo bản án.

[4]. Về ý kiến của Kiểm sát viên: Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quy định của pháp luật, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH.

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 96, Điều 97, Điều 227, Điều 228, Điều 243, Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025; Điều 213, Điều 220, Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 29, Điều 33, Điều 35, Điều 37, Điều 59, Điều 60 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của nguyên đơn anh Chang Văn N về việc yêu cầu trả lại thửa đất có diện tích 148,0 m² tại thôn 7, xã B, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 021850, đứng tên anh Chang Văn N và chị Ma Thị M, cho bố mẹ đẻ của anh Ngời là ông Chang A X và bà Lý Thị G, theo đơn rút yêu cầu ngày 04/11/2025 của anh Chang Văn N.

2. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của bị đơn chị Ma Thị M về việc yêu cầu phân chia các khoản nợ chung của vợ chồng phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, gồm các khoản vay tại ngân hàng và các khoản vay của cá nhân được sử dụng cho mục đích sinh hoạt, sản xuất, đầu tư kinh tế gia đình, theo đơn rút yêu cầu ngày 09/10/2025 của chị Ma Thị M.

3. Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giao thửa đất trang trại có diện tích 10.000 m² tại bản H, xã B, tỉnh L cho chị Ma Thị M được quyền quản lý, sử dụng. Chị Ma Thị M không có nghĩa vụ thanh toán giá trị thửa đất này cho anh Chang Văn N.

4. Chấp nhận yêu cầu của anh Chang Văn N về việc chia 1/2 nghĩa vụ trả các khoản nợ chung, cụ thể:

- Đối với nghĩa vụ trả số tiền 200.000.000 đồng (*hai trăm triệu đồng*) là khoản nợ của Hội Nông dân huyện M (cũ), hiện do Hội Nông dân xã B, tỉnh L kế thừa quyền và nghĩa vụ:

+. Anh Chang Văn N và chị Ma Thị M mỗi người có trách nhiệm trả 1/2 nợ gốc, tương ứng mỗi người phải trả 100.000.000 đồng (*một trăm triệu đồng*) và lãi suất tương ứng với phần nghĩa vụ phải trả, theo hợp đồng tín dụng và các thỏa thuận đã ký kết với Hội Nông dân xã M (cũ).

- Đối với nghĩa vụ trả số tiền 41.543.000 đồng (*bốn mươi một triệu năm trăm bốn mươi ba nghìn đồng*) là khoản nợ của anh Nguyễn Văn L, chủ Cửa hàng vật liệu xây dựng L:

+. Anh Chang Văn N và chị Ma Thị M mỗi người phải trả 1/2, tương ứng mỗi người phải trả số tiền 20.771.500 đồng (*hai mươi triệu bảy trăm bảy mươi một nghìn năm trăm đồng*).

5. Xác định khoản nợ 50.000.000 đồng (*năm mươi triệu đồng*) đối với ông Lý Văn P là nghĩa vụ tài sản riêng của chị Ma Thị M. Chị Ma Thị M có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền 50.000.000 đồng (*năm mươi triệu đồng*) cho ông Lý Văn P.

6. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán xong các khoản tiền nêu trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, theo mức lãi suất do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm thanh toán, tương ứng với thời gian chậm trả, theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, cho đến khi thi hành án xong.

7. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Ma Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch về chia các khoản nợ chung là: 100.000.000 đồng + 20.771.500 đồng + 50.000.000 đồng = 170.771.500 đồng $\times$ 5% = 8.538.575 đồng (*tám triệu năm trăm ba mươi tám nghìn năm trăm bảy mươi năm đồng*).

- Anh Chang Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch về chia các khoản nợ chung là: 100.000.000 đồng + 20.771.500 đồng = 120.771.500 đồng $\times$ 5% = 6.038.575 đồng (*sáu triệu không trăm ba mươi tám nghìn năm trăm bảy mươi lăm đồng*). Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.038.575 đồng (*sáu triệu không trăm ba mươi tám nghìn năm trăm bảy mươi lăm đồng*), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU, số 0000738, ngày 22/04/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4- L).

8. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án về những vấn đề

trực tiếp liên quan đến quyền, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày (*mười lăm ngày*) kể từ ngày tuyên án hoặc kể từ ngày nhận được bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật này.

Nơi nhận

- TAND tỉnh L;
- VKSND tỉnh L ;
- VKSNDKV4-L;
- PhòngTHADSKV4-L;
- Các đương sự;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ VA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Lò Xuân Hải